

Chữ in màu đen là lời thoại được dùng khi nói chuyện với cấp trên trong đơn vị.

Chữ in màu xanh là lời thoại được dùng khi nói chuyện với bạn bè, đồng nghiệp.

Hãy cùng học cách sử dụng kính ngữ !

Cuộc tái ngộ lâu ngày không gặp

Nhân viên: Đã lâu rồi rồi không gặp trưởng phòng. Thời gian đó, đã nhận được sự giúp đỡ từ anh. Đạo này anh khỏe chứ?

Cấp trên: Quả đúng là lâu rồi không gặp. Tôi vẫn rất khỏe.

Nhân viên: Hiện giờ anh đang (công tác) ở đâu ạ?

Cấp trên: Tôi hiện đang làm việc tại trụ sở chính ở Tokyo. Thế còn anh ○○ thì sao?

Nhân viên: May mắn thay là tôi đã bắt đầu được công việc của mình tại chi nhánh ở Tokushima rồi.

Cấp trên: Thật là tốt quá nhỉ! Hãy cố gắng lên nhé!

A: Lâu rồi không gặp! Thật sự cảm ơn lúc đó nha. Đạo đây có khỏe không?

B: Lâu rồi không gặp. Mình vẫn khỏe.

A: Thế bây giờ hiện (công tác) ở đâu thế?

B: Hiện giờ mình đang làm ở trụ sở chính ở Tokyo ấy. Thế còn ○○ thì sao?

A: Ôn trời là mình đã bắt đầu đi làm tại chi nhánh ở Tokushima rồi.

B: Tốt rồi nhỉ. Cố lên nhé!

久々の再会

社員: ごぶさた しております。そのせつは おせわになりました。お元気でいらっしゃいますか?

上司: ほんと、ひさしぶりだねえ。元気にしてますよ。

社員: いま、どちらに?

上司: いま、で 働いていますよ。○○さんは?

社員: おかげさまで、わたしは、今年から、徳島の支社で はたらき 始めました。

上司: それはよかった。がんばってください。

A: ひさしぶり。あのときは、ありがとう。元気にしてた?

B: うん、久しぶり。元気にしてたよ。

A: 今、どこ?

B: 今、東京の本社で 働いて いるんだけど。○○さんは?

A: おかげで、私は、今年から、徳島の支社で はたらき 始めたの。

B: それはよかったねえ。がんばって。

Khi xin lỗi

Nhân viên: Lúc nào cũng nhận được sự giúp đỡ từ trưởng phòng rồi ạ. Hơn nữa, việc lúc này tôi nhầm tài liệu, thật sự rất xin lỗi.

Cấp trên: À, không sao đâu. Đừng bận tâm nhé.

Nhân viên: Thật sự rất xin lỗi. Thật ái ngại quá.

Cấp trên: Vì là đã trễ rồi cho nên anh hãy về nhà nghỉ ngơi từ từ nhé.

Nhân viên: Vâng, tôi đã biết rồi ạ. Tôi xin phép được đi trước.

Cấp trên: Đã vất vả rồi. Hẹn gặp lại anh vào ngày mai.

A: Cảm ơn vì luôn giúp đỡ mình. Xin lỗi vì chuyện nhầm tài liệu lúc này nhé.

B: Không sao cả. Đừng để ý làm gì.

A: Xin lỗi nhé. Thật sự rất cảm ơn bạn.

B: Thôi cũng muộn rồi nên hãy về nhà nghỉ ngơi thư giãn đi nhé.

A: Uhm, mình biết rồi. Thế thì mình đi trước nhé.

B: Vất vả rồi. Hẹn gặp lại ngày mai.

あやまるとき

社員: いつも おせわに なっております。

また、さきほどは、書類を まちがえてしまい、たいへんもうしわけございませんでした。

上司: いやあ、もう大丈夫ですよ。気に しなくていいですよ。

社員: すみません。きょうしゅくです。

上司: おそくなったので、帰って ゆっくり やすんで下さいね。

社員: はい、しょうちしました。それでは、おさきに しつれいたします。

上司: ごくろうさまでした。では、また あした。

A: いつもありがとうございます。さっきは、書類を まちがえて ごめんなさい。

B: 大丈夫。気にしないでね。

A: ごめんね。ありがとう。

B: おそくなったから、もう 帰ってゆっくり 休んでね。

A: うん。りょうかい。じゃあ。おさきに。

B: おつかれさまでした。じゃあ、また あした。

感謝された時

上司：きのうは、いそがしいのに、むりいって、たくさん 仕事 たのんで わるかったですねえ。

社員：いえいえ、大丈夫です。おちからになれて、うれしいです。

上司：いそぎの 仕事だったから、 たすかりましたよ。

社員：それは、おやくにたてて、なによりです。

上司：ありがとう。また たのみますね。

社員：はい、また、いつでもおっしゃって下さい。

上司：さいきん、きゆうに 寒くなってきたから、からだに 気をつけて下さいね。

社員：はい。おきづかいいただきありがとうございます。

A：きのうは、いそがしかったのに、むりをいって、たくさん 仕事 たのんでごめんね。

B：ううん。大丈夫だよ。ちからになれて、よかった。

A：すごく いそいでたから、 たすかった。

B：それは、やくにたてて よかったわ。

A：ほんと、ありがとうねっ。また、たのむね。

B：うん、いつでも いってよ。

A：さいきん、きゆうに 寒くなってきたから、からだ、気をつけてね。

B：うん。ありがとう。

When Someone Expresses Their Appreciation

Boss: I'm sorry for asking you to do so much work yesterday even though you were quite busy.

Employee: It's no problem at all. I'm glad I was able to help.

Boss: It was an urgent job, so you really helped out.

Employee: I'm just glad I was able to be of use.

Boss: Thank you. I'll be relying on you again.

Employee: Of course. Please do not hesitate to ask me at any time.

Boss: It's grown quite cold lately, so make sure to look after your health.

Employee: Thank you for your concern. I will do that.

A: I'm sorry for asking you to do so much work yesterday when you were already busy.

B: It's no problem. I'm glad I could help.

A: It was urgent, so you really saved us.

B: I'm glad I could be of use.

A: Thank you very much. I'll be relying on you again.

B: Of course, you can ask me any time.

A: It's gotten pretty cold, so make sure to watch your health.

B: I'll do that, thanks.

Khi nhận được sự cảm ơn

Cấp trên: Hôm qua bận bịu như vậy, ấy vậy mà tôi lại đòi hỏi quá đáng và nhờ anh nhiều việc đến vậy. Thật sự xin lỗi nhé.

Nhân viên: Không không, không có vấn đề gì ạ. Có thể đóng góp sức lực của mình là tôi vui rồi.

Cấp trên: Vì là việc gấp nên may mà có anh giúp tôi.

Nhân viên: Không gì hơn là có thể giúp ích được cho trưởng phòng ạ.

Cấp trên: Cảm ơn anh nhé. Xin phép được nhờ anh lần tới.

Nhân viên: Vâng ạ. Tôi luôn luôn sẵn lòng ạ.

Cấp trên: Đạo gần đây trời trở lạnh nên anh nhớ chú ý đến sức khỏe nhé.

Nhân viên: Cảm ơn vì những lo lắng (quan tâm) của trưởng phòng ạ.

A: Hôm qua bận vậy mà mình lại đòi hỏi nhiều và nhờ bạn nhiều việc, xin lỗi nhé!

B: Uh uh, không sao cả. Có thể góp sức lực cho bạn là mình vui rồi.

A: Việc khá là gấp nhưng may có bạn giúp.

B: Thật tốt khi giúp ích được cho bạn.

A: Thật sự đúng là vậy, cảm ơn nhé. Lần tới mình nhờ tiếp nha.

B: Uhm, bất cứ khi nào cũng được.

A: Đạo này trời trở lạnh nên hãy chú ý sức khỏe nhé.

B: Uhm, cảm ơn nhé.

收到感谢的时候

上司·A: 昨天明明很忙, 却还是拜托给你很多工作, 真是不好意思啊。

职员·B: 不, 没关系。能出点力, 我很高兴。

上司·A: 是很紧急的工作, 所以帮了我大忙。

职员·B: 那能帮上忙, 比什么都好。

上司·A: 谢谢。下次再拜托你。

职员·B: 任何时候都请告诉我。

上司·A: 最近突然天气变冷了, 所以请注意身体。

职员·B: 好的。谢谢您的关心。